

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH BÁC SĨ ĐA KHOA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3601/QĐ - ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2011
của Giám đốc ĐHQGHN)*

- Tên ngành đào tạo: Bác sĩ đa khoa (Medical Doctor)
- Hệ đào tạo: Đại học
- Danh hiệu tốt nghiệp: Bác sĩ (Doctor of Medicine)
- Thời gian đào tạo: 6 năm
- Đơn vị đào tạo: Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ đa khoa - Nhà khoa học có đủ y đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0, có tầm nhìn và năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân.

1.2 Chuẩn đầu ra

1.2.1 Về kiến thức

- *Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN*

- + Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- + Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.
- + Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
- + Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- *Kiến thức chung theo lĩnh vực*

- + Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.

- + Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.
- + Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y dược hiện đại.
- *Kiến thức chung của khối ngành*
 - + Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.
 - + Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.
- *Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành*
 - + Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
 - + Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.
 - + Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích một cách sâu sắc các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.
 - + Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.
 - + Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.
- *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*

Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.
- 1.2.2 *Về kỹ năng*
 - 1.2.2.1 *Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)*
 - Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề
 - + Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.
 - + Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.
 - + Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.
 - + Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.
 - Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
 - + Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.
 - + Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.
 - + Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá
 - + Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.
 - + Có kỹ năng thu thập thông tin.
 - + Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.
 - + Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.
- Kỹ năng tư duy theo hệ thống
 - + Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.
 - + Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
 - + Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.
 - + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
 - + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của bác sĩ đa khoa đối với xã hội.
 - + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và bác sĩ đa khoa.
 - + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
- Bối cảnh tổ chức
 - + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
 - + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
 - + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
 - + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
 - + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
 - + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
 - + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
 - + Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
 - + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

1.2.2.2 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ
 - + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
 - + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
 - + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
 - + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
 - + Liên kết được các nhóm.
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
 - + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
 - + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
 - + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
- Giao tiếp
 - + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
 - + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
 - + Khả năng thuyết trình lưu loát.
 - + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...
- Sử dụng ngoại ngữ: tiếng Anh B2 tương đương IELTS 5.0.
- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (STATA, EPI-INFO, SPSS...).

1.2.3 Về phẩm chất đạo đức

- Đạo đức cá nhân
 - + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
 - + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.
 - + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.
- Đạo đức nghề nghiệp
 - + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.
 - + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.
 - + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).
- Đạo đức xã hội
 - + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.
 - + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
 - + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người bác sĩ trong xã hội

1.2.4 Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, bác sĩ đa khoa có thể làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

- Các cơ sở điều trị: bác sĩ trực tiếp tham gia điều trị và quản lý tại các bệnh viện công lập và tư nhân.
- Các cơ sở đào tạo: giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế, cán bộ quản lý đào tạo.
- Các viện nghiên cứu: chuyên viên trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, y dược, y sinh, công nghệ y dược...
- Các cơ quan quản lý: chuyên viên các cơ quan quản lý y tế. Chuyên viên trong các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

1.2.5 Khả năng học tập để nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp, các bác sĩ đa khoa có thể học các trình độ Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp 1, Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học.

2. Chương trình đào tạo

2.1 Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 217 tín chỉ

(Chưa tính Giáo dục thể chất, Quốc phòng-An ninh, Kỹ năng mềm)

Trong đó:

+ Khối kiến thức chung	32 tín chỉ
+ Khối kiến thức theo lĩnh vực	34 tín chỉ
+ Khối kiến thức của khối ngành	16 tín chỉ
+ Khối kiến thức nhóm ngành	28 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>26 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>2 tín chỉ</i>
+ Khối kiến thức ngành:	96 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>87 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
+ Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	11 tín chỉ
<i>Thực tế tốt nghiệp:</i>	<i>2 tín chỉ</i>
<i>Khóa luận tốt nghiệp:</i>	<i>9 tín chỉ</i>

2.2 Khung chương trình

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung <i>(không tính các môn từ 10 đến 12)</i>		32				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106
9	FLF1108	Tiếng Anh B2	5	20	50	5	FLF1107
10		Giáo dục thể chất	4				
11		Giáo dục quốc phòng - An ninh	7				
12		Kỹ năng mềm	3				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		34				
13	MAT1096	Đại số	2	30			
14	MAT1097	Giải tích	3	30	15		MAT1096
15	PHY1100	Vật lý Cơ - Nhiệt	3	30	15		
16	PHY1103	Vật lý Điện & Quang	3	30	15		
17	CHE1080	Hóa học đại cương	3	30	15		
18	CHE1077	Hóa học vô cơ	3	30	15		CHE1080
19	CHE1081	Hóa học hữu cơ	3	30	15		CHE1080

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	CHE1056	Thực tập hóa học hữu cơ	3		45		CHE1081
21	BIO1059	Sinh học đại cương	2	15	15		
22	BIO1052	Hóa sinh học	3	30	15		CHE1081
23	BIO1051	Sinh học phân tử	3	30	15		BIO1059
24	BIO1099	Sinh lý học	3	30	15		BIO1059
III	Khối kiến thức chung của khối ngành		16				
25	SMP1011	Vi sinh	3	30	15		BIO1059
26	SMP1012	Ký sinh trùng	2	15	15		BIO1059
27	SMP1054	Miễn dịch học	2	15	15		BIO1059
28	SMP1010	Truyền thông giáo dục sức khỏe - Y đức	3	30	15		
29	MAT1199	Xác suất thống kê sinh học	3	30	15		INT1004
30	SMP1038	Kỹ thuật Y - Dược hiện đại	3	45			
IV	Khối kiến thức của nhóm ngành		28				
<i>IV.1</i>	<i>Các môn học bắt buộc</i>		<i>26</i>				
31	SMP2001	Giải phẫu	4	45	15		
32	SMP2002	Lý sinh	3	30	15		PHY1103
33	SMP2003	Bệnh học	4	45	15		SMP2001
34	SMP2004	Dược lý, dược lâm sàng	3	30	15		
35	SMP2005	Nghiên cứu khoa học	3	15	25	5	MAT1199
36	SMP2006	Sinh lý bệnh I (Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, huyết học)	3	30	15		BIO1099
37	SMP2007	Sinh lý bệnh II (Thận, cơ xương và nội tiết)	3	30	15		BIO1099
38	SMP2008	Sinh học phân tử và Di truyền học trong y học hiện đại	3	30	15		BIO1051

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiền quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.2	Các môn tự chọn		2/4				
39	SMP2009	Y học gia đình	2	30			
40	SMP2010	Bệnh chuyển hóa	2	30			BIO1052
V	Khối kiến thức ngành		96				
V.1	Các môn bắt buộc		87				
41	SMP2011	Lâm sàng-Xã hội	2		30		
42	SMP2012	Chẩn đoán hình ảnh	3	15	30		SMP2002
43	SMP2013	Dịch tễ học	3	30	15		
44	SMP2014	Huấn luyện kỹ năng và phẫu thuật thực hành	3	15	30		
45	SMP2015	Điều dưỡng cơ bản	3	15	30		
46	SMP2016	Nội khoa cơ sở	5	45	30		SMP2014 SMP2015
47	SMP2017	Nội bệnh lý I	4	30	30		SMP2016
48	SMP2018	Nội bệnh lý II	4	30	30		SMP2017
49	SMP2019	Ngoại khoa cơ sở	4	30	30		SMP2012 SMP2014
50	SMP2020	Ngoại bệnh lý I	4	30	30		SMP2019
51	SMP2021	Ngoại bệnh lý II	4	30	30		SMP2020
52	SMP2022	Nhi khoa I	4	30	30		SMP2014 SMP2015
53	SMP2023	Nhi khoa II	4	30	30		SMP2022
54	SMP2024	Sản phụ khoa I	4	30	30		SMP2014 SMP2015
55	SMP2025	Sản phụ khoa II	4	30	30		SMP2024
56	SMP2026	Truyền nhiễm	3	30	15		
57	SMP2027	Y học cổ truyền	3	30	15		

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
58	SMP2028	Lao và bệnh phổi	2	15	15		
59	SMP2029	Răng hàm mặt	2	15	15		
60	SMP2030	Tai mũi họng	2	15	15		
61	SMP2031	Nhãn khoa	2	15	15		
62	SMP2032	Da liễu	2	15	15		
63	SMP2033	Tâm thần học	2	15	15		
64	SMP2034	Thần kinh	2	15	15		
65	SMP2035	Ung thư	3	30	15		SMP2012
66	SMP2036	Phục hồi chức năng	3	15	30		
67	SMP2037	Y học hạt nhân	3	30	15		SMP2002
68	SMP2038	Tâm lý lâm sàng	3	45			SMP2033
V.2	<i>Các môn tự chọn</i>		9/24				
69	SMP2039	Hồi sức cấp cứu nội khoa	3	15	30		SMP2018
70	SMP2040	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	3	45			
71	SMP2041	Gây mê hồi sức	3	30	15		SMP2021
72	SMP2042	Khoa học môi trường và bệnh nghề nghiệp	3	45			
73	SMP2043	Sức khỏe vị thành niên	3	45			SMP2023
74	SMP2044	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	45			
75	SMP2045	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	3	45			
76	SMP2046	Quản trị bệnh viện	3	45			
V.I	Khối kiến thức thực tế và tốt nghiệp		11				
77	SMP4001	Thực tập tốt nghiệp	2				
78	SMP4050	Khóa luận tốt nghiệp	9				
Tổng số tín chỉ tích lũy			217				

Ghi chú: Môn học số 35, 39, 43, 45, 52 được giảng dạy và thi bằng tiếng Anh